

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án
“Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”;

Xét Tờ trình số 8501/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Nội dung, mức chi

1. Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) quy định

mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp trên địa bàn: Thực hiện theo quy định tại nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn thành phố Huế.

3. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của trung tâm học tập cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập, gồm:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện theo quy định tại nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn thành phố Huế.

b) Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

5. Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các trung tâm học tập cộng đồng: Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao của đơn vị để thực hiện và thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh.

6. Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục:

a) Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC và Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

b) Đối với học viên các lớp học xóa mù chữ và phổ cập giáo dục trung học cơ sở được nhà nước hỗ trợ học phẩm:

- Đối với học viên các lớp xóa mù chữ: Cấp bằng hiện vật cho mỗi học viên/kỳ học như sau: 05 tập vở học sinh (loại 96 trang, giấy trắng); 05 cây bút chì đen; 10 cây bút bi.

- Đối với học viên các lớp phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Cấp bằng hiện vật cho mỗi học viên/năm học như sau: 16 tập vở học sinh (loại 96 trang, giấy trắng); 20 cây bút bi.

c) Chi cho các lớp học xóa mù chữ và phổ cập giáo dục trung học cơ sở:

- Chi hỗ trợ thấp sáng ban đêm: Mức chi 100.000 đồng/lớp/tháng (thanh toán theo thực tế thời gian thực học nhưng không quá 9 tháng/kỳ học (đối với các lớp xóa mù chữ); không quá 9 tháng/năm học (đối với các lớp phổ cập giáo dục trung học cơ sở).

- Chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, văn phòng phẩm cho giáo viên trực tiếp giảng dạy: Thanh toán theo hóa đơn thực tế, mức tối đa 200.000 đồng/người/năm học.

- Chi mua sách giáo khoa dùng chung: Chi theo hóa đơn thực tế, không quá 01 bộ sách giáo khoa/giáo viên.

- Chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp học xóa mù chữ: 250.000 đồng/học viên/kỳ học. Chỉ được thanh toán khi người học hoàn thành chương trình của một kỳ học xóa mù chữ.

d) Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập: Chi trả theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn được thanh toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

đ) Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy): Mức chi tiền công theo hợp đồng lao động trên cơ sở lương tối thiểu vùng và đảm bảo tương quan với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Trong trường hợp huy động tình nguyện viên tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ: Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho các đối tượng này theo chế độ công tác phí quy định tại nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn thành phố Huế.

7. Chi mua tài liệu học xóa mù chữ cho học viên các lớp xóa mù chữ và sách giáo khoa cho học viên các lớp phổ cập giáo dục trung học cơ sở:

a) Đối với học viên các lớp xoá mù chữ: Cấp bằng hiện vật cho mỗi học viên/kỳ học 01 bộ tài liệu học xoá mù chữ.

b) Đối với học viên các lớp phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Cấp bằng hiện vật cho mỗi học viên/năm học 01 bộ sách giáo khoa.

8. Chi khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí sự nghiệp giáo dục theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành; các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 7 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định một số mức chi cho công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa VIII, Kỳ họp lần thứ 10 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: GD&ĐT; TC;
- Cục Kiểm tra văn bản và XLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo thành phố; Công TTĐT thành phố;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, HĐ3.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu